

 GreenCert®	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 1/18

GREENCERT
ĐÃ KIỂM SOÁT
 Ngày 06/01/2021

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

TT	Mục sửa đổi	Nội dung/mục sửa đổi	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi
1		Ban hành lần đầu phù hợp ISO/IEC 1765	Lần đầu	22/6/2019
2	Toàn bộ	Viết mới hoàn toàn và tích hợp với các tiêu chuẩn ISO/IEC 17021, ISO/TS 22003, đổi mã HD.08.GC.09 thành mã HD.02	Lần 2	06/01/2021

	Biên soạn	Xem xét	Phê duyệt
Họ và tên	Hoàng Thị Kim Khánh	Lê Thị Hồng Thao	Lê Văn Minh
Chức vụ	Trưởng Phòng Kinh doanh	QMR	Giám đốc
Chữ ký			

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 2/18

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách tính phí đánh giá chứng nhận của Trung tâm Chứng nhận sản phẩm nông nghiệp sạch GreeCert được tính toán dựa trên số công cần thiết để tiến hành các hoạt động chuẩn bị đánh giá, đánh giá, báo cáo, xem xét hồ sơ và làm thủ tục cấp chứng chỉ.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng cho việc tính công đánh giá cho các cuộc đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp (sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, phân bón, thức ăn chăn nuôi...), đánh giá chứng nhận VietGAP (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) bao gồm đánh giá chứng nhận ban đầu, đánh giá giám sát, đánh giá mở rộng, đánh giá lại, đánh giá chuyển đổi.

3. TÀI LIỆU LIÊN QUAN VÀ THAM KHẢO

- TCVN ISO/IEC 17065:2013 Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với các tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ;
- TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý – Phần 1: Các yêu cầu;
- TCVN ISO/TS 22003:2015 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm.
- IAF Mandatory Document For Duration of QMS Audits, Issue 1 (IAF MD 5: 2009), Tài liệu của IAF có tính bắt buộc cho Thời gian đánh giá của Hệ thống quản lý chất lượng QMS và Hệ thống quản lý môi trường EMS.
- IAF Mandatory Document For the Certification of Multiple Sites Based on Sampling Issue 1, Ver 2 (IAF MD1:2007) – Tài liệu có tính bắt buộc cho việc chứng nhận của nhiều địa điểm trên cơ sở lấy mẫu.
- Sổ tay chất lượng.

4. TRÁCH NHIỆM

Phòng Tổng hợp phối hợp với Phòng Kỹ thuật chịu trách nhiệm xác định phí đánh giá chứng nhận.

5. CÁCH TÍNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM:

Tổng chi phí đánh giá chứng nhận được tính như sau:

$$CP_{\text{Tổng}} = CP_{\text{Xem xét}} + CP_{\text{Đánh giá}} + CP_{\text{Đi lại}} + CP_{\text{Chứng nhận}} + CP_{\text{Lấy mẫu}} + CP_{\text{PTMẫu}}$$

CP_{Xem xét} : Chi phí xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký; xây dựng kế hoạch đánh giá; thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

CP_{Đánh giá} : Chi phí đánh giá = MD (ngày công đánh giá) × Đơn giá một ngày công;

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 3/18

CP_{Đi lại} : Chi phí di chuyển từ Trung tâm đến địa điểm đánh giá; giữa các địa điểm khác nhau của đơn vị đánh giá; được tính theo giá thuê xe hiện hành;

CP_{Chứng nhận} : Chi phí cấp giấy chứng nhận và ủy quyền sử dụng dấu chứng nhận theo quy định;

CP_{Lấy mẫu} : Công lấy mẫu + chi phí vận chuyển, bảo quản mẫu (nếu có)

CP_{PTMẫu} : Chi phí phân tích kiểm nghiệm mẫu (nếu có) (theo đơn giá của Phòng kiểm nghiệm thực hiện phân tích).

5.1. Xác định địa điểm cần đánh giá

Việc xác định số địa điểm cần đánh giá đối với cơ sở khách hàng có nhiều địa điểm cần đánh giá được thực hiện theo quy định tại hướng dẫn tài liệu IAF MD 1:2007.

5.1.1. Đối với khách hàng có 01 địa điểm:

Việc đánh giá được tiến hành tại địa điểm đã được đăng ký đánh giá.

5.1.2. Đối với khách hàng có nhiều địa điểm cần đánh giá:

- Đánh giá lần đầu: Thực hiện đánh giá tại 100% số địa điểm đăng ký chứng nhận của cơ sở.

- Đánh giá giám sát: Thực hiện đánh giá tối thiểu 70% số địa điểm đã được chứng nhận.

- Đánh giá chứng nhận lại: Thực hiện đánh giá tại 100% số địa điểm đăng ký chứng nhận của cơ sở.

5.2. Xác định số ngày công đánh giá (MD):

5.2.1. Đối với khách hàng có một địa điểm cần đánh giá:

- Về cơ bản, số công đánh giá cho các cuộc đánh giá hệ thống quản lý chất lượng của bên thứ ba tại một địa điểm đánh giá được xác định dựa trên số nhân viên/hộ sản xuất thành viên của khách hàng được đánh giá, và tối thiểu đạt yêu cầu ở Bảng 1 sau:

Bảng 2 - Hướng dẫn cách xác định số ngày công đánh giá

Số lượng nhân viên (người)	Số ngày công đánh giá cần thiết (ngày)	Số lượng nhân viên (người)	Số ngày công đánh giá cần thiết (ngày)
1-5	1,5	626-875	12
6-10	2	876-1175	13
11-15	2,5	1.176-1.550	14
16-25	3	1.551-2.025	15
26-45	4	2.026-2.675	16
46-65	5	2.676-3.450	17
66-85	6	3.451-4.350	18
86-125	7	4.351-5.450	19
126-175	8	5.451-6.800	20

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 4/18

Số lượng nhân viên (người)	Số ngày công đánh giá cần thiết (ngày)	Số lượng nhân viên (người)	Số ngày công đánh giá cần thiết (ngày)
176-275	9	6.801-8.500	21
276-425	10	8.501-10.700	22
426-625	11	>10700	Tiếp tục theo nguyên tắc trên

Chú thích:

+ Số nhân viên đề cập trong bảng trên bao gồm tất cả nhân viên làm việc trong phạm vi chứng nhận và sẽ có mặt tại thời điểm đánh giá, kể cả nhân viên thời vụ, tạm thời hoặc hợp đồng. Riêng số nhân viên làm theo giờ sẽ được quy đổi về nhân viên chính thức dựa trên tỉ lệ giữa số giờ làm việc với 8 giờ tiêu chuẩn.

+ Số giờ làm việc được tính lên 1 công là khoảng **5-8** tiếng, tính là 1/2 công nếu 3-5 tiếng, dưới 3 tiếng thì bỏ qua. Khi làm kế hoạch/chương trình đánh giá, số công đánh giá không được giảm đi bằng cách tăng số giờ làm việc trong ngày.

+ Khi đánh giá cùng với một chương trình chứng nhận khác, số công đánh giá hệ thống tại cơ sở vẫn phải đảm bảo theo yêu cầu của Bảng 1, số công đánh giá cho các chương trình khác đó có thể giảm đi hợp lý dựa trên những yêu cầu chung đánh giá hệ thống.

5.2.2. Đối với khách hàng có nhiều địa điểm cần đánh giá:

- Với khách hàng có nhiều địa điểm và chung lĩnh vực chứng nhận:

Sau khi đã xác định và lựa chọn được số địa điểm đánh giá theo mục 5.1.1, số ngày công đánh giá được tính bằng tổng số ngày công đánh giá của từng địa điểm đã lấy mẫu.

- Với khách hàng có nhiều địa điểm đánh giá và khác nhau về lĩnh vực chứng nhận, sau khi đã xác định số lượng địa điểm đánh giá theo mục 5.1.2, số ngày công đánh giá được tính bằng tổng số ngày công đánh giá của tất cả các địa điểm.

5.2.3. Đánh giá hành động khắc phục các điểm không phù hợp

- Trong trường hợp phải thực hiện đánh giá hành động khắc phục đối với các điểm không phù hợp, công đánh giá hành động khắc phục được tính là 1/2 ngày công/điểm không phù hợp, song tổng số công không vượt quá 40% (2/5) tổng số công đánh giá lần đầu.

- Các điểm không phù hợp sẽ là điểm cần kiểm tra, đánh giá khi GREENCERT thực hiện hoạt động đánh giá giám sát hoặc đánh giá chứng nhận lại.

5.2.4. Xác định số ngày công đánh giá giám sát, đánh giá chứng nhận lại

Xác định thời gian đánh giá giám sát, đánh giá chứng nhận lại hệ thống quản lý chất lượng theo hướng dẫn tài liệu IAF MD5:2009, trong đó:

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 5/18

- Số ngày công đánh giá giám sát tối thiểu bằng 1/2 số ngày công đánh giá chứng nhận lần đầu với ít nhất 01 ngày công đánh giá (nếu thời gian đánh giá nhỏ hơn 01 ngày công thì sẽ được làm tròn thành 01 ngày công đánh giá);

- Số ngày công đánh giá chứng nhận lại tối thiểu bằng 2/3 số ngày công đánh giá chứng nhận ban đầu với ít nhất 01 ngày công đánh giá.

5.2.4. Điều chỉnh ngày công đánh giá:

a. Tăng ngày công đánh giá:

Tùy từng trường hợp cụ thể, thời lượng của cuộc đánh giá chứng nhận có thể tăng lên một cách thích hợp căn cứ vào một số điều kiện cụ thể sau đây:

- Kết quả của hoạt động đánh giá nội bộ và đánh giá hệ thống quản lý hoặc chứng nhận trước đó;
- Theo yêu cầu từ phía khách hàng;
- Hồ sơ về khiếu nại và các vấn đề khác có liên quan đến việc khắc phục và hành động phòng ngừa;
- Yêu cầu bắt buộc của quy định pháp lý. Ví dụ: Đánh giá cho các sản phẩm thực phẩm.
- Sự thay đổi đáng kể trong quy mô của các địa điểm đánh giá;
- Tính phân tán của yếu tố địa lý: Có nhiều địa điểm riêng biệt cần tiến hành đánh giá, địa bàn rất rộng so với số nhân viên của khách hàng, ...
- Hệ thống gồm nhiều quá trình phức tạp hoặc bao gồm số lượng tương đối lớn các quá trình riêng biệt, có tính đặc thù riêng cho việc thực hiện tại địa điểm đánh giá;
- Sự khác biệt trong ngôn ngữ (cần phải có phiên dịch), văn hóa hoặc tập quán vùng miền.
- Tính chất phức tạp: Sản phẩm, quá trình được đánh giá là sự kết hợp giữa phần cứng, phần mềm, quá trình, dịch vụ.

b. Giảm ngày công đánh giá

Thời lượng của cuộc đánh giá chứng nhận có thể giảm nhưng số ngày công đánh giá tối thiểu cho chứng nhận ban đầu không được ít hơn 2 ngày công đánh giá. Tùy từng trường hợp cụ thể, số ngày công có thể được giảm trong một số trường hợp sau đây:

- Nếu khách hàng có địa bàn rất nhỏ, nhưng đông nhân viên (ví dụ: Chỉ gồm khu văn phòng, hoặc 01 khu vực sản xuất, ...), số ngày công có thể giảm, nhưng tối đa không quá 10%.
- Khách hàng đã có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp (ISO 9001/ISO 22000, ...) của GREENCERT còn hiệu lực hoặc chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng còn hiệu lực trên 12 tháng của tổ chức chứng nhận được GREENCERT thừa nhận, thì số ngày công đánh giá có thể giảm, nhưng tối đa không quá 50%.

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 6/18

- Nếu khách hàng có chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp còn hiệu lực từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng của tổ chức chứng nhận được GREENCERT thừa nhận, thì số ngày công đánh giá có thể giảm, nhưng tối đa không quá 20%.

5.3. Xác định số ngày công lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu:

Số ngày công cần thiết cho lấy mẫu điển hình và thử nghiệm mẫu tại chỗ được xác định theo các nguyên tắc sau đây:

5.3.1. Với khách hàng có 1 địa điểm cần đánh giá, lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu, thử nghiệm mẫu tại chỗ không quá 1/2 ngày công với khách hàng có số sản phẩm đề nghị chứng nhận ≤ 05 sản phẩm.

- Thời gian lấy mẫu, thử nghiệm mẫu tại chỗ là 01 ngày công nếu số sản phẩm đề nghị chứng nhận ≤ 10 sản phẩm.

- Thời gian lấy mẫu, thử nghiệm mẫu tại chỗ là 02 ngày công nếu số sản phẩm đề nghị chứng nhận ≥ 10 sản phẩm.

Chú ý: Thời gian lấy mẫu tối đa không vượt quá 02 ngày công/khách hàng có 1 địa điểm cần đánh giá, lấy mẫu.

5.3.2. Với khách hàng có nhiều địa điểm cần đánh giá, lấy mẫu:

- Xác định số địa điểm cần lấy mẫu: Địa điểm cần lấy mẫu được xác định tương tự như địa điểm đánh giá (có thể trùng với địa điểm đánh giá).

- Số ngày công lấy mẫu: Bằng tổng số ngày công lấy mẫu cho từng địa điểm được lấy mẫu.

5.3.3. Bảo quản, vận chuyển mẫu:

Tùy theo tính chất và yêu cầu của từng loại mẫu, nếu phát sinh thêm yêu cầu trong quá trình bảo quản, vận chuyển mẫu từ địa điểm lấy mẫu đến phòng kiểm nghiệm, GREENCERT sẽ thỏa thuận với khách hàng về chi phí này.

5.3.4. Điều chỉnh ngày công lấy mẫu

Trong trường hợp theo yêu cầu từ khách hàng, số lượng mẫu cần lấy nhiều hơn so với số lượng mẫu tối thiểu cần thiết, GREENCERT sẽ thỏa thuận với khách hàng về các khoản chi phí phát sinh này.

6. CÁCH TÍNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VIETGAP/HỮU CƠ

Nguyên tắc, phương thức tính phí của GREENCERT đối với hoạt động đánh giá chứng nhận VietGAP thực hiện tương tự như đánh giá chứng nhận sản phẩm, trong đó có một số nội dung cần chú ý:

6.1. Xác định số địa điểm cần đánh giá

Thực hiện theo mục 5.1.

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 7/18

6.2. Xác định số ngày công đánh giá

6.2.1. Việc xác định số ngày công đánh giá chứng nhận VietGAP được thực hiện theo quy định tại tài liệu IAF MD5 : 2009.

6.2.2. Về cơ bản, số ngày công đánh giá cho một cuộc đánh giá của bên thứ ba được xác định dựa trên các yếu tố sau đây:

- Diện tích, quy mô sản xuất, số lượng sản phẩm đề nghị chứng nhận;
- Số nhân viên/hộ sản xuất thành viên của cơ sở được đánh giá (tối thiểu phải đạt yêu cầu tại Bảng 1).

a. Xác định ngày công đánh giá chứng nhận VietGAP trồng trọt:

- Số ngày công đánh giá lần đầu được xác định theo bảng sau:

+ Đối với cây rau:

DT (ha)	Số loại rau	Ngày công đánh giá (M _D)	DT (ha)	Số loại rau	Ngày công đánh giá (M _D)
≤ 5	1-5	3,5-4	15-25	1-5	8,5-9
	Tăng mỗi 05 sản phẩm	5,5-6		Tăng mỗi 05 sản phẩm	10,5-11
5-15	1-5	6,5-7	≥ 25 ÷ ≤ 50	1-5	12-13
	Tăng mỗi 05 sản phẩm	8,5-9		Tăng mỗi 05 sản phẩm	15-16

+ Đối với các loại cây trồng khác:

Diện tích (ha)	Số ngày công đánh giá (M _D)		
	Cây ăn quả	Chè	Lúa
1 - 5	3,5-4	3,5-4	3,5-4
5 – 15	6,5-7	6,5-7	6,5-7
15-25	8,5-9	8,5-9	8,5-9
25-50	12-13	12-13	12-13

Ghi chú:

+ Khi diện tích đề nghị chứng nhận tăng quá 50ha/địa điểm đánh giá, số ngày công đánh giá lần đầu được tính lũy tiến theo mức độ diện tích tăng tương ứng.

+ Đối với cây rau: Phải ưu tiên trong việc xem xét về số lượng loại rau đăng ký chứng nhận tại nơi canh tác trong việc xác định số ngày công đánh giá;

+ Đối với cơ sở có yêu cầu chứng nhận nhiều đối tượng khác nhau (quả, chè, ...) khác nhau tại cùng một địa điểm đánh giá thì cứ thêm một đối tượng thì số ngày công đánh giá được tính thêm tối thiểu là 30% và tối đa là 50% theo số ngày công của đối tượng có diện tích lớn nhất, làm tròn theo số nguyên trên.

- Số ngày công đánh giá hành động khắc phục: Thực hiện theo 5.2.3.

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 8/18

6.2.3. Đối với khách hàng có nhiều thành viên, việc xác định số ngày công đánh giá phải đảm bảo đủ thời lượng cho các công việc sau đây:

- Diện tích, quy mô sản xuất, số lượng sản phẩm đề nghị chứng nhận;
- Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng nội bộ;
- Đánh giá tài liệu lưu trữ của cơ sở khách hàng;
- Đánh giá các thành viên đại diện nhóm: Số lượng thành viên đại diện nhóm được đánh giá do GREENCERT quyết định theo từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu bằng căn bậc 2 (đối với đánh giá lần đầu) hoặc tối thiểu 2/3 của căn bậc 2 (đối với đánh giá lại) hoặc tối thiểu 1/2 của căn bậc 2 (đối với đánh giá giám sát) của tổng số thành viên trong nhóm.

6.2.4. Trường hợp theo yêu cầu từ phía khách hàng, số lượng thành viên đại diện nhóm cần được đánh giá nhiều hơn so với số lượng thành viên tối thiểu quy định tại 6.2.3, GREENCERT cần thỏa thuận và thống nhất với khách hàng về các vấn đề phát sinh có liên quan và thời gian đánh giá tăng thêm được tính là 3/8 ngày công cho 01 thành viên/hộ đại diện.

6.2.5. Đánh giá hành động khắc phục các điểm không phù hợp:

Thực hiện theo quy định tại mục 5.2.3.

6.3. Xác định số ngày công lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu:

Số ngày công cần thiết cho lấy mẫu điển hình và thử nghiệm mẫu tại chỗ được xác định theo các nguyên tắc sau đây:

- Việc lấy mẫu được thực hiện theo quy định của các bộ chuyên ngành, trong đó số lượng mẫu tối thiểu cần lấy phải đảm bảo đại diện cho vùng sản xuất của khách hàng và tuân thủ theo HD-08-02 Hướng dẫn lấy mẫu và đánh giá kết quả mẫu thử nghiệm.

- Đối với khách hàng có nhiều địa điểm cần đánh giá, lấy mẫu: Thực hiện theo 5.3.2.

- Bảo quản, vận chuyển mẫu: Thực hiện theo 5.3.3.

- Điều chỉnh thời gian, số ngày công lấy mẫu: Thực hiện theo 5.3.4./.

7. CÁCH TÍNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ QMS, FSMS

7.1. Tính ngày công đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (theo IAF MD5:2015)

7.1.1. Đánh giá chứng nhận lần đầu:

Bảng 7.1. Thời lượng đánh giá hệ thống quản lý chất lượng/điều kiện đảm bảo chất lượng (theo IAF MD5:2015):

Số lượng nhân viên (có ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng sản phẩm/dịch vụ)	Thời lượng đánh giá (Stage 1 – Đánh giá sơ bộ + Stage 2 – Đánh giá chính thức)	Số lượng nhân viên (có ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng sản phẩm/dịch vụ)	Thời lượng đánh giá (Stage 1 – Đánh giá sơ bộ + Stage 2 – Đánh giá chính thức)
--	---	--	---

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 9/18

1-5	1.5	626-875	12
6-10	2	876-1175	13
11-15	2.5	1176-1550	14
16-25	3	1551-2025	15
26-45	4	2026-2675	16
46-65	5	2676-3450	17
66-85	6	3451-4350	18
86-125	7	4351-5450	19
126-175	8	5451-6800	20
176-275	9	6801-8500	21
276-425	10	8501-10700	22
426-625	11	>10700	Giám đốc quyết định

Ghi chú: Bảng trên chỉ áp dụng cho đánh giá chứng nhận lần đầu

7.1.2. Đánh giá giám sát: Thời lượng đánh giá giám sát tối thiểu = 1/3 thời lượng (Stage 1 – Đánh giá sơ bộ + Stage 2 – Đánh giá chính thức).

7.1.3. Đánh giá chứng nhận lại: Thời lượng đánh giá chứng nhận lại tối thiểu = 2/3 thời lượng (Stage 1 + Stage 2) nhưng đều không ít hơn 1 manday.

Các yếu tố làm tăng hoặc giảm thời lượng đánh giá căn cứ theo mục 8 của IAF MD5.

7.1.4. Cách phân loại rủi ro (CODE)

7.1.4.1. Nguyên tắc chung để phân cấp độ Code (Tài liệu viện dẫn: IAF MD 5:2015)

- Đối với QMS, các điều khoản trong tài liệu này được dựa trên 3 loại, tùy thuộc vào rủi ro phát sinh do sự ảnh hưởng của sản phẩm hay dịch vụ tại tổ chức. 3 loại này được coi là rủi ro thấp, trung bình và cao. Các hoạt động rủi ro cao (ví dụ: hạt nhân, y dược, thực phẩm, thi công) thường đòi hỏi thời gian đánh giá cao hơn. Các hoạt động rủi ro trung bình (ví dụ: sản xuất đơn giản) thường đòi hỏi thời gian đánh giá trung bình và các hoạt động rủi ro thấp cần ít hơn nữa.

- Các mức độ rủi ro này không mang tính định nghĩa mà chỉ là ví dụ để CB sử dụng trong tính toán mức độ rủi ro của một cuộc đánh giá.

a. Rủi ro cao/ / High risk

Khi sự sai lỗi của sản phẩm hay dịch vụ sẽ gây ra khủng hoảng kinh tế hay nguy hiểm

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 10/18

tính mạng.

Một số ví dụ: Thực phẩm, dược phẩm, máy bay, đóng tàu, các cấu trúc và thiết bị chịu lực, hoạt động thi công xây dựng phức tạp, thiết bị điện và ga, dịch vụ sức khỏe và y tế, đánh bắt, năng lượng hạt nhân, hoá chất, sản phẩm hoá chất và vải sợi hoá học.

b. Rủi ro trung bình/ Medium risk

Khi sự sai lỗi của sản phẩm hoặc dịch vụ có thể gây thương tích hoặc bệnh tật.
Một số ví dụ: Các cấu trúc và cấu kiện không chịu lực, các hoạt động thi công đơn giản, các sản phẩm chế tạo và kim loại cơ bản, các sản phẩm phi kim, nội thất, thiết bị quang học, các dịch vụ giải trí và dịch vụ cá nhân.

c. Rủi ro thấp/ Low risk

Khi sự sai lỗi của sản phẩm không có nguy cơ gây thương tích hoặc bệnh tật.

Một số ví dụ: Dệt may, quần áo, bột giấy, giấy và các sản phẩm từ giấy, xuất bản, dịch vụ văn phòng, giáo dục, bán lẻ, kinh doanh khách sạn và nhà hàng.

7.1.4.2. Mục đích việc phân loại cấp độ Code:

Việc phân loại cấp độ rủi ro Cao/Trung bình/Thấp được sử dụng để phân loại lĩnh vực của khách hàng khi xem xét phê duyệt hồ sơ đăng ký chứng nhận của khách hàng và lựa chọn, sử dụng chuyên gia đánh giá có năng lực (kiến thức, kinh nghiệm) phù hợp với lĩnh vực đó.

a. Với lĩnh vực có Cấp độ code cao:

+ Tất cả các cuộc đánh giá (chứng nhận lần đầu, chứng nhận lại, chứng nhận mở rộng, giám sát) cần phải có chuyên gia có code trong đoàn đánh giá (Trưởng đoàn đánh giá có code được phê duyệt hoặc Chuyên gia đánh giá có code được phê duyệt hoặc Chuyên gia kỹ thuật);

+ Tất cả các hồ sơ đánh giá (Chứng nhận lần đầu, chứng nhận lại, chứng nhận mở rộng, giám sát) đều phải được thẩm tra bởi chuyên gia có code được phê duyệt ở Code cao đó;

b. Với lĩnh vực có cấp độ Code trung bình:

+ Tất cả các cuộc đánh giá Chứng nhận lần đầu/Chứng nhận lại/Chứng nhận mở rộng cần phải có chuyên gia có code trong đoàn đánh giá (Trưởng đoàn đánh giá có code được phê duyệt hoặc Chuyên gia đánh giá có code được phê duyệt hoặc Chuyên gia kỹ thuật);

+ Tất cả các hồ sơ đánh giá Chứng nhận lần đầu/ Chứng nhận lại/Chứng nhận mở rộng ở đều phải được thẩm tra bởi chuyên gia có code được phê duyệt ở Code trung bình đó.

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 11/18

+ Đánh giá Giám sát: Các cuộc đánh giá Giám sát có thể cần hoặc không cần chuyên gia có code trong đoàn đánh giá và Hồ sơ đánh giá Giám sát có thể cần hoặc không cần chuyên gia có code thẩm tra kỹ thuật

c. Với lĩnh vực có cấp độ code thấp:

- + Cuộc đánh giá KHÔNG cần chuyên gia có code trong đoàn đánh giá.
- + Hồ sơ đánh giá KHÔNG cần thẩm tra bởi chuyên gia kỹ thuật có code.

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 12/18

7.2. Tính ngày công đánh giá hệ thống quản lý ATTP (Theo ISO/TS 22003:2013)

- Thời lượng tối thiểu phải bao gồm cả đánh giá sơ bộ và đánh giá chính thức của đánh giá chứng nhận ban đầu, không kể thời lượng chuẩn bị đánh giá, viết báo cáo đánh giá.

- Thời gian đánh giá tối thiểu đối với đánh giá FSMS chỉ tính bao gồm cho một HACCP study (nghiên cứu HACCP);

- Một HACCP study tương ứng với một phân tích mối nguy một tập hợp sản phẩm/dịch vụ có các mối nguy tương tự và có công nghệ sản xuất tương tự, và nếu có thể, công nghệ bảo quản giống nhau.

- Để tránh trùng lặp trong trường hợp một hệ thống quản lý liên quan khác đã có và được chứng nhận bởi GreenCert thời gian bổ sung là không cần thiết (Bảng 3.1). Trong trường hợp một cuộc đánh giá tích hợp, bao gồm FSMS, việc giảm thiểu thời lượng đánh giá có thể được áp dụng nếu được minh chứng và lưu tài liệu.

- Thời gian tối thiểu cho việc đánh giá tại cơ sở cho việc thực hiện sản phẩm và/hoặc dịch vụ của tổ chức phải là 50% tổng thời gian đánh giá (áp dụng cho tất cả các loại hình đánh giá).

- Số lượng chuyên gia cho mỗi ngày đánh giá phải được cân nhắc dựa trên hiệu quả đánh giá, nguồn lực của tổ chức được đánh giá cũng như nguồn lực của GreenCert.

- Trong trường hợp cần hợp bổ sung, ví dụ hợp tổng kết, phối hợp, hợp đoàn đánh giá, thì việc tăng thời gian đánh giá có thể cần thiết.

- Tổng số nhân viên liên quan đến bất kỳ khía cạnh an toàn thực phẩm phải thể hiện là số nhân viên làm việc toàn thời gian. Trong trường hợp tổ chức chia nhân viên theo các ca và sản phẩm hoặc quá trình tương tự, thì số nhân viên làm việc toàn thời gian phải được tính dựa trên ca chính (bao gồm cả nhân viên mùa vụ) thì tính thêm cả nhân viên hành chính.

- Một số code cụ thể thuộc lấy mẫu đa điểm (Phụ lục 1) và điều này có thể được xem xét để tính thời gian đánh giá.

- Khi việc lấy mẫu các điểm được thông qua, các địa điểm mẫu phải được chọn trước khi áp dụng tính thời lượng đánh giá. Vì thế thời lượng đánh giá phải được áp dụng với mỗi điểm phù hợp với yêu cầu của phụ lục và bảng 3.1.

- Nếu phạm vi của một tổ chức khách hàng cụ thể bao gồm nhiều hơn một loại hình thì việc tính thời gian đánh giá phải được lấy từ thời gian đánh giá cơ bản khuyến cáo cao nhất. Có thể yêu cầu thêm thời gian cho từng nghiên cứu HACCP (tức là tối thiểu 0,5 ngày đánh giá cho từng nghiên cứu HACCP).

- Những nhân tố thêm vào có thể phải tăng dần theo thời lượng đánh giá tối thiểu (ví dụ số lượng sản phẩm, số lượng dây chuyền sản phẩm, phát triển sản phẩm, số lượng điểm kiểm soát giới hạn, số lượng chương trình tiên quyết có thể vận hành, diện tích xây dựng, cơ sở hạ tầng, kiểm tra phòng thử nghiệm trong nhà, cần phiên dịch viên).

- Cách xác định thời gian đánh giá tối thiểu đánh giá ban đầu TS, theo ngày, được tính như sau:

$$T_s = T_D + T_H + T_{MS} + T_{FTE}$$

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 13/18

Trong đó:

- TD Thời lượng đánh giá tại điểm đánh giá;
 TH Số ngày đánh giá khi nghiên cứu thêm HACCP;
 TMS Số ngày đánh giá tới sự thiếu hụt liên quan đến hệ thống quản lý;
 TFTE Là số ngày đánh giá trên số nhân viên

- Thời gian đánh giá cho từng điểm thêm ngoài điểm chính, được tính theo bảng 3.1 với tối thiểu là một ngày đánh giá cho mỗi điểm. Khi được ghi chép và minh chứng, cắt giảm thời lượng đánh giá có thể áp dụng cho các tổ chức ít phức tạp, được đo lường qua số lượng nhân viên, quy mô của tổ chức và/hoặc khối lượng sản phẩm hoặc nằm trong các code có TS ít hơn 1,5 ngày đánh giá.

- Thời gian đánh giá giám sát tối thiểu phải bằng một phần ba thời gian đánh giá chứng nhận ban đầu, nhưng không ít hơn 1 ngày đánh giá (0,5 ngày đánh giá cho code A và B)

- Thời gian đánh giá lại tối thiểu bằng hai phần ba thời gian đánh giá chứng nhận ban đầu, nhưng không ít hơn 1 ngày đánh giá (0,5 ngày đánh giá cho code A và B).

- Khi được ghi chép và minh chứng, cắt giảm thời gian đánh giá giám sát và đánh giá lại có thể áp dụng cho các tổ chức ít phức tạp, được đo lường qua số lượng nhân viên, quy mô của tổ chức và/hoặc khối lượng sản phẩm hoặc nằm trong các code có TS ít hơn 1,5 ngày đánh giá.

GreenCert sử dụng bảng 3.2 (ở dưới) cho các mục đích sau:

- Xác định phạm vi chứng nhận có nhu cầu hoạt động;
- Xác định bằng cấp kỹ thuật bất kỳ của chuyên gia cần thiết cho loại code cụ thể;
- Đánh giá năng lực chuyên gia đối với một loại code cụ thể;
- Đánh giá năng lực đoàn đánh giá đối với một loại code phụ cụ thể;
- Để xác định thời lượng đánh giá phù hợp với bảng 3.1;
- Để xác định phần phù hợp của chuỗi ISO/TS 22002, nếu được áp dụng, đối với việc đánh giá phù hợp với ISO 22000:2018, 7.2;
- Để xác định phạm vi của tài liệu chứng nhận tại cấp code phụ.

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 14/18

Bảng 7.2 — Thời lượng đánh giá chứng nhận tối thiểu

Loại hình/ Category (Theo Phụ lục 2, HD.02.GC.12)	D	H	MS	PTE	Tm
	Thời lượng đánh giá tại điểm đánh giá (TD)	Số ngày đánh giá khi nghiên cứu thêm HACCP (tính cho từng kế hoạch HACCP) TH	Số ngày đánh giá tối sự thiếu hụt liên quan đến hệ thống quản lý TMS	Là số ngày đánh giá trên số nhân viên TFTE	Là thời lượng đánh giá tối thiểu cho mỗi điểm thêm
A	0,75	0,25	0,25	1 to 19 = 00	50 % of minimum on-site audit time
B	0,75	0,25		20 to 49 = 0,5	
C	1,50	0,50		50 to 79 = 1,0	
D	1,50	0,50		80 to 199 = 1,5	
E	1,00	0,50		200 to 499 = 2,0	
F	1,00	0,50		500 to 899 = 2,5	
G	1,00	0,25		900 to 1.299 = 3,0	
H	1,00	0,25		1.300 to 1.699 = 3,5	
I	1,00	0,25		1.700 to 2.999 = 4,0	
J	1,00	0,25		3.000 to 5.000 = 4,5	
K	1,50	0,50		>5.000 = 5,0	

Đối với khách hàng có nhiều loại hình đánh giá, thời gian đánh giá bằng tổng thời gian đánh giá mục D và H của bảng 7.2

VD: Với khách hàng có 2 loại hình là A và B. Thời gian đánh giá sẽ là

$$T_S = T_{DA} + T_{DB} + T_{HA} + T_{HB} + T_{MS} + T_{FTE}$$

8. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐÁNH GIÁ ĐA ĐIỂM

8.1 Đối với hệ thống quản lý chất lượng (áp dụng IAF MD1

1. Quy định này dành cho tổ chức được cấp một chứng chỉ chứng nhận cho tất cả các điểm:

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 15/18

- + Các điểm có hoạt động giống nhau và trên cùng một đất nước;
 - + Các điểm được vận hành dưới sự kiểm soát và quản lý của hệ thống quản lý môi trường hoặc;
 - + Một cuộc đánh giá nội bộ phải tiến hành tại mỗi điểm trong vòng 3 năm trước khi chứng nhận;
 - + Cuộc đánh giá cuối cùng của các cơ sở riêng biệt cần phải bao quát toàn bộ hệ thống và sự khắc phục phải được thực hiện một cách phù hợp
2. Việc lấy mẫu đa điểm chỉ được áp dụng cho các tổ chức có từ 3 địa điểm trở lên. Áp dụng cả cho lần đánh giá chứng nhận và các cuộc đánh giá giám sát. /
- + *Việc đánh giá cơ sở có nhiều địa điểm thì số địa điểm tối thiểu phải đánh giá như sau:* Đánh giá Ban đầu là $y = \sqrt{x}$; Đánh giá giám sát là $y = 0,6.\sqrt{x}$; Đánh giá tái chứng nhận số site tối thiểu như đánh giá ban đầu, ***tuy nhiên nếu trong chu kỳ đánh giá 3 năm tổ chức không có NC nào được mở thì số site sẽ được tính là $y = 0,8.\sqrt{x}$*** /
- Với x : là số site áp dụng chung HTQLCL của tổ chức cần chứng nhận
3. Việc bố trí các site đánh giá phải đảm bảo tối thiểu 25% số site đánh giá được lựa chọn một cách ngẫu nhiên.
4. Việc xem xét các phát hiện đánh giá tại các điểm lấy mẫu cần phải cho thấy sự tương quan với các phát hiện đánh giá nội bộ tại các điểm lấy mẫu đó trong tổ chức;
5. Hằng năm phải thực hiện một cuộc đánh giá tại trung tâm hệ thống quản lý và trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực, tất cả các điểm phải được đánh giá giám sát ít nhất một lần
6. Các phát hiện đánh giá tại các điểm lấy mẫu phải đảm bảo bao trùm được toàn bộ hệ thống và sự khắc phục phải được thực hiện một cách phù hợp.

8.2 Đối với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (áp dụng IAF MD1)

Một tổ chức có nhiều địa điểm là tổ chức có chức năng trung tâm xác định (dưới đây gọi là văn phòng trung tâm - nhưng không nhất thiết là trụ sở của tổ chức) tại đó các hoạt động FSMS nhất định được hoạch định, kiểm soát hoặc quản lý và mạng lưới các địa điểm tại đó các hoạt động này được thực hiện đầy đủ hoặc một phần. Ví dụ về tổ chức nhiều địa điểm có thể là:

- tổ chức làm việc có nhượng quyền;
- công ty sản xuất có một hoặc nhiều địa điểm sản xuất và một mạng lưới văn phòng bán hàng;

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 16/18

- tổ chức dịch vụ có nhiều địa điểm cung cấp dịch vụ tương tự;
- tổ chức có nhiều chi nhánh.

GreenCert chứng nhận cho tổ chức đa điểm dưới cùng một hệ thống quản lý với các điều kiện sau đây:

- Tất cả các site vận hành dưới sự kiểm soát và quản lý của HTQLATTP theo quy định trong điều khoản 4 của ISO 22000:2018 hoặc các HTQL ATTP liên quan khác;
- Một cuộc đánh giá nội bộ phải tiến hành tại mỗi điểm trong vòng **01** năm trước khi chứng nhận
- Các phát hiện đánh giá của các site riêng biệt cần phải được xem xét bao quát toàn bộ hệ thống và sự khắc phục phải được thực hiện một cách phù hợp

Việc lấy mẫu đa điểm chỉ được áp dụng cho các loại A, B, E, F, G (xem bảng 3.2 phụ lục 3) và các tổ chức có hơn 20 điểm vận hành quá trình tương tự với categories. Áp dụng cả cho lần đánh giá chứng nhận, các cuộc đánh giá giám sát, đánh giá chứng nhận lại. **GreenCert** phải làm rõ quyết định của mình về lấy mẫu cho chứng nhận đa điểm.

Trong trường lấy mẫu đa điểm, sau khi chứng nhận, chương trình chứng nhận nội bộ hàng năm phải bao gồm tất cả các site của tổ chức.

Khi **GreenCert** lấy mẫu đa điểm, **GreenCert** sử dụng chương trình lấy mẫu để đảm bảo hiệu lực của cuộc đánh giá FSMS say đây áp dụng:

- Với tổ chức có 20 điểm hoặc ít hơn, tất cả các điểm phải được đánh giá. Việc lấy mẫu cho hơn 20 điểm phải theo tỷ lệ 1/5. Tất cả các site phải được lựa chọn ngẫu nhiên và sau cuộc đánh giá không một site được lấy mẫu nào có sự không phù hợp;
- Ít nhất hằng năm **GreenCert** phải thực hiện một cuộc đánh giá tại văn phòng trung tâm hệ thống quản lý ATTP
- Ít nhất hàng năm, **GreenCert** phải thực hiện đánh giá giám sát đối với số site lấy mẫu được yêu cầu
- Các phát hiện đánh giá của các site riêng biệt cần phải được xem xét bao quát toàn bộ hệ thống và sự khắc phục phải được thực hiện một cách phù hợp

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 17/18

Bảng 8.2. Quy định về số lượng địa điểm được đánh giá khi sử dụng lấy mẫu nhiều địa điểm

	Số lượng địa điểm được đánh giá từ 1 đến 20	Tổng số địa điểm							
		21	22	23	24	25	26	27	28
Số địa điểm nhiều hơn 20	0	1	2	3	4	5	6	7	8
Số địa điểm cộng thêm để đánh giá	0	1	1	1	1	1	2	2	2
Số địa điểm cần được đánh giá	x	21	21	21	21	21	22	22	22

9. YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐÁNH GIÁ TÍCH HỢP NHIỀU HỆ THỐNG

(Sử dụng IAF MD11 / Used IAF MD11)

- Dành cho tổ chức áp dụng cùng lúc nhiều hệ thống:
- Các hệ thống được xây dựng tích hợp trong cùng một tổ chức và một site đánh giá;
- Để xác định thời lượng đánh giá tích hợp cho cuộc đánh giá nhiều tiêu chuẩn, ví dụ như A+B+C, cần phải:
 - + Tính toán thời lượng đánh giá cho từng cuộc đánh giá theo yêu cầu tiêu chuẩn riêng (áp dụng cách tính theo tài liệu như IAF MD5, ISO/TS 22003, ...)
 - + Tính toán điểm bắt đầu T bằng cách thêm vào tổng các phần riêng (vd $T=A+B+C$)
 - + Điều chỉnh điểm bắt đầu bằng cách tính tới các yếu tố có thể làm tăng hoặc giảm thời lượng đánh giá. Các yếu tố đó bao gồm: (Giảm): Mức độ tích hợp; khả năng nhân viên đáp ứng những yêu cầu liên quan đến nhiều HTQL; Năng lực của chuyên gia đánh giá để thực hiện đánh giá nhiều HTQL; (Tăng): sự phức tạp của đánh giá tích hợp nhiều HTQL so với đánh giá từng HTQL. Việc điều chỉnh tăng không được vượt quá 20% từ điểm bắt đầu T.
- Việc đánh giá một cơ sở tích hợp nhiều hệ thống thì manday đánh giá được tính giảm theo cách sau đây:

Bảng 9.

	TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP SẠCH GREENCERT	Ký hiệu : HD.02
		Lần ban hành: 02
	HƯỚNG DẪN TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN VÀ NGÀY CÔNG	Hiệu lực: 06/01/2021
		Số trang/Tổng: 18/18

100	0	5	10	15	20
80	0	5	10	15	15
60	0	5	10	10	10
40	0	5	5	5	5
20	0	0	0	0	0
0	20	40	60	80	100

Cột dọc: Mức độ tương tích hợp của HTQL, bao gồm:

1. Thiết lập hệ thống tài liệu tích hợp;
2. Việc xem xét của lãnh đạo đến toàn bộ chiến lược và kế hoạch kinh doanh
3. Tiếp cận tích hợp tới đánh giá nội bộ
4. Tiếp cận tích hợp tới chính sách và mục tiêu
5. Tiếp cận tích hợp tới các quá trình hệ thống
6. Tiếp cận tích hợp tới cơ các cơ chế cải tiến (HĐKP/PN, đo lường, cải tiến liên tục)
7. Tích hợp các nhiệm quản lý và hỗ trợ trách

Quy ước /:

- Tỷ lệ % đối với 1 nội dung tương thích là 1/7.100%

Chiều ngang:

$$\% \text{ Số Manday giảm} = \frac{100 ((X1-1) + (X2-1) + (X3-1) + (Xn-1))}{Z.(Y-1)}$$

Trong đó

X1,2, 3...n: Số tiêu chuẩn mà 1 chuyên gia đánh giá có khả năng đánh giá được

Y: Số tiêu chuẩn mà tổ chức áp dụng và tích hợp

Z: Số chuyên gia đánh giá.